

BÁO CÁO

Kết quả cải cách thủ tục hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử và hoạt động của Tổ công tác năm 2020 và 5 năm (2016 – 2020) phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

I. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH GẮN VỚI XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

Quán triệt phương châm, quan điểm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ngay từ đầu nhiệm kỳ là phục vụ nhân dân và doanh nghiệp, trong năm 2020, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và xây dựng Chính phủ điện tử tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và được tập trung kiểm tra, đôn đốc. Qua đó, đã đạt được những kết quả nổi bật sau:

1. Về cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

- Thể chế cho công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được hoàn thiện, đã tạo sự thống nhất, đồng bộ cho việc triển khai trên cả nước. Trong năm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 05 Nghị định, 04 Nghị quyết, 06 Quyết định; tính chung cả giai đoạn 2016-2020, đã **ban hành 37 văn bản (08 Nghị định, 19 Nghị quyết, 02 Chỉ thị, 08 Quyết định)** về cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, trong đó có một số văn bản làm cơ sở thay đổi căn bản quy trình thực hiện thủ tục hành chính từ thủ công, giấy tờ sang điện tử, phi giấy tờ, như: Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí"¹.

¹ Đến thời điểm hiện nay, 63/63 địa phương đều đã triển khai thực hiện việc liên thông các TTHC nêu trên; đã tiếp nhận 353.846 hồ sơ, trong đó, đã giải quyết 350.400 hồ sơ (số hồ sơ quá hạn là 2.352 hồ sơ chiếm tỷ lệ 0,67%), một số địa phương triển khai tốt công tác này như Nam Định, Ninh Bình, Quảng Bình, Nghệ An... Qua quá trình thực hiện, các địa phương đều đánh giá cao hiệu quả mang lại, rõ rệt nhất là giảm chi phí đi lại, giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính này; khắc phục tình trạng chậm trễ tùy tiện trong giải quyết TTHC, trực lợi chính sách. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch, quản lý nhân khẩu, thực hiện các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Để giảm mạnh các TTHC liên quan đến người dân, trên cơ sở Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020, Văn phòng Chính phủ đã đôn đốc, theo dõi việc thực hiện, bảo đảm bám sát mục tiêu, yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, năm 2017 - 2020, Chính phủ đã ban hành 19 Nghị quyết chuyên đề về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân trên các lĩnh vực quản lý để phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1.097 thủ tục, với 992 mẫu đơn và 399 tờ khai được quy định tại 332 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có nhiều phương án có đối tượng tác động lớn như: bỏ quản lý sổ hộ khẩu bằng giấy với khoảng hơn 18 triệu hộ gia đình được thụ hưởng từ phương án này... Đây cũng là tiền đề, cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dự kiến khi đi vào hoạt động sẽ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các hệ thống thông tin, giúp hiện thực hóa toàn bộ các phương án cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân, góp phần đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, xây dựng công dân điện tử, nền kinh tế số, xã hội số.

- Việc giải quyết thủ tục hành chính ngày càng chất lượng và hiệu quả hơn với việc xác định đúng mục tiêu là lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông và hoạt động của các Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh đã giúp hạn chế phiền hà, những nhiễu, tiêu cực; tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp khi đến giao dịch với cơ quan hành chính nhà nước; từng bước làm thay đổi mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với người dân, doanh nghiệp. Sau hơn 02 năm triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ, đến nay, có 59/63 tỉnh, thành phố thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh; 100% Bộ, ngành, địa phương đã kiện toàn hệ thống một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết TTHC; chất lượng giải quyết hồ sơ đã có sự cải thiện rõ rệt, tỷ lệ giải quyết đúng hạn từ 97,37% trở lên. Đặc biệt có địa phương đã thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo phương thức “5 tại chỗ” như Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh; nhiều địa phương đã gắn kết chặt chẽ giữa việc thiết lập một cửa “vật lý” và một cửa điện tử để tạo thuận lợi cho người thực hiện như: Hà Nội, Quảng Ninh, Đồng Nai, Cà Mau, Bình Dương...

- Trong năm 2020, đã cắt giảm thêm 239 điều kiện kinh doanh. Tính chung giai đoạn 2016 - 2020, đã có 87 Luật, Nghị định, Thông tư về KTCN, ĐKKD đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung và thay thế để cắt giảm **3.893/6.191 ĐKKD, 6.776/9.926 danh mục hàng hóa phải KTCN và 30 thủ tục hành chính liên quan đến KTCN**; 1.501 mặt hàng KTCN chòng chéo đã có phương án xử lý, giao cho một đầu mối chịu trách nhiệm KTCN. Bộ Tài chính đã xây dựng, trình Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm theo đúng chỉ đạo của Chính phủ về việc giao cơ quan Hải quan làm đầu mối KTCN, các Bộ quản lý chuyên ngành thực hiện hậu kiểm và đề xuất 7 nội dung cải cách hoạt động KTCN tại cửa khẩu nhằm đơn giản quy trình, thủ tục, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, quản lý rủi ro, giảm đầu mối tiếp xúc của doanh nghiệp, cắt giảm chi phí, thời gian thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước.

Đặc biệt, với các cuộc kiểm tra chuyên đề về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác KTCN và cắt giảm, đơn giản hóa các ĐKKD đã kịp thời phát hiện nhiều quy định bất cập, chồng chéo về KTCN và điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý, đang gây cản trở, khó khăn cho hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, cần được bãi bỏ. Đồng thời, qua các buổi làm việc với các bộ, cơ quan, Tổ công tác cũng thẳng thắn chỉ ra sự trì trệ, hạn chế của các đơn vị thực thi, cần chấn chỉnh.

Các cuộc kiểm tra đã tạo hiệu ứng tích cực, thúc đẩy các bộ, cơ quan nhận diện ra vấn đề để thay đổi, cải cách; tạo bước chuyển căn bản cả về chất và lượng trong cải cách và thực thi của các bộ, cơ quan, địa phương trong công tác cải cách hoạt động KTCN và cắt giảm, đơn giản hóa các ĐKKD.

Việc cắt giảm này đã giúp tiết kiệm cho xã hội, người dân, doanh nghiệp khoảng hơn 18 triệu ngày công/năm, tương đương hơn 6.300 tỷ đồng/năm. *Kết quả này đã khẳng định sự hoạt động hiệu quả, sự nỗ lực, quyết liệt, quyết tâm, trách nhiệm của Tổ công tác trong việc thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao.*

- Tiếp tục tinh thần cải cách mạnh mẽ, quyết liệt, với quan điểm lấy doanh nghiệp, người dân làm trung tâm, ngày 12/5/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 68/NQ-CP về Chương trình cắt giảm quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025, theo đó yêu cầu các bộ, ngành tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% quy định, 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; giảm tối đa số lượng văn bản hiện hành có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (mở rộng đến cả văn bản hành chính và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật) thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ.

- Hoạt động của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính

+ Phát huy kết quả tích cực từ những năm trước đây, trong năm 2020, bên cạnh những buổi làm việc, đối thoại trực tiếp, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ đã tổ chức 05 Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong nước và nước ngoài để tiếp nhận, đề xuất xử lý 242 phản ánh, kiến nghị về khó khăn, vướng mắc trong việc cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đã chủ trì Chương trình nghị sự lần thứ 6 của Mạng lưới thực hành quy định tốt ASEAN-OECD với 03 phiên hội nghị trực tuyến, được Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và các nước thành viên ASEAN đánh giá là Hội nghị trực tuyến được tổ chức thành công nhất của OECD², giúp các nước chia sẻ kinh nghiệm về cải cách

² Phiên họp thứ nhất của Hội nghị có chủ đề “Cắt giảm gánh nặng tuân thủ để hỗ trợ quy định tốt hơn”. Tại phiên họp, các đại biểu đã trình bày và trao đổi chính sách, kinh nghiệm cải cách quy định của một số thành viên và thế giới. Việt Nam trình bày báo cáo Kinh nghiệm cải cách hành chính và quy định trước và trong giai đoạn Covid-19. Myanmar, Thái Lan, Philippines, UK, Hà Lan và OECD cũng chia sẻ kinh nghiệm của các nước.

- Phiên họp thứ hai của Hội nghị có chủ đề “Sử dụng công cụ số để xây dựng quy định linh hoạt hơn”. Tại phiên họp, các đại biểu đã trình bày và trao đổi chính sách, kinh nghiệm về ứng dụng các công cụ số trong cải cách quy định và thủ tục hành chính nhằm phục vụ người dân tốt hơn và quản lý tốt hơn, nhất là hỗ trợ các hoạt động của người dân, doanh nghiệp trong đại dịch Covid-19. Việt Nam trình bày báo cáo “Phản ứng nhanh về chính sách và ứng dụng công nghệ tại Việt Nam trong đại dịch Covid-19”. Malaysia, Phần Lan, Indonesia, OECD cũng trình bày kinh nghiệm của các nước về ứng dụng công nghệ số trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

quy định để đối phó với khủng hoảng, như đại dịch Covid-19.

Tính chung giai đoạn 2016 - 2020, Hội đồng tư vấn đã tổ chức 33 phiên họp, hội nghị đối thoại để lắng nghe, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp theo thẩm quyền hoặc báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng xử lý, đối với 442 vấn đề, nhóm vấn đề khó khăn, vướng mắc.

+ Đề thúc đẩy các bộ, cơ quan, địa phương quyết liệt, quyết tâm hơn nữa về cải cách thủ tục hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử, trong năm Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ đã tổ chức 06 buổi làm việc với 22 bộ, cơ quan ngang bộ; 18 địa phương thuộc 03 miền³, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện và đã kiến nghị các giải pháp tháo gỡ, bảo đảm công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, gắn với xây dựng Chính phủ điện tử tiếp tục có bước đột phá mới, với những kết quả thực chất.

- Với những nỗ lực và kết quả đạt được nêu trên, đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao thứ hạng của Việt Nam trong các xếp hạng quốc tế:

Trong Xếp hạng môi trường kinh doanh toàn cầu giai đoạn 2016-2020 của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam tăng 20 bậc, xếp thứ 70/190 quốc gia, nền kinh tế và xếp thứ 5 trong ASEAN; Xếp hạng Năng lực cạnh tranh toàn cầu GCI 4.0 của Diễn đàn kinh tế thế giới, năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 10 bậc giai đoạn 2018-2019, từ 77 lên 67/141 quốc gia và xếp thứ 7 trong ASEAN; Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2020 của Việt Nam xếp thứ 42/131 quốc gia, nền kinh tế, giữ vị trí số 1 trong nhóm 29 quốc gia cùng mức thu nhập.

2. Về xây dựng Chính phủ điện tử

- Xác định những nội dung đột phá trong xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số, bảo đảm gắn kết giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, tạo sự minh bạch trong hoạt động của các cơ quan hành chính, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 09 văn bản (03 Nghị định⁴; 02 Nghị quyết; 03 Quyết định, 01 Chỉ thị) tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý đầy đủ, toàn diện trong quá trình triển khai xây dựng Chính phủ điện tử.

- Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai nghiêm túc các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao liên quan đến xây dựng Chính phủ điện tử, đã thay đổi, cải tiến căn bản lề lối, phương thức làm việc thông qua ứng dụng

- Phiên họp thứ 3 của Hội nghị có chủ đề “Cải cách hệ thống quy định để chuẩn bị cho khủng hoảng tương lai”. Tại phiên họp, các đại biểu đã trình bày và trao đổi kinh nghiệm tốt trong xây dựng, cải cách hệ thống quy định và ứng dụng công cụ số để tạo sự linh hoạt trong tương tác giữa người dân, doanh nghiệp và chính quyền, bảo đảm cung cấp dịch vụ công thiết yếu cho người dân, doanh nghiệp khi có khủng hoảng (báo cáo của Việt Nam). Phiên họp cũng thảo luận kinh nghiệm rà soát, đánh giá quy định để nâng cao chất lượng quy định và vấn đề hợp tác quốc tế để nâng cao chất lượng hệ thống quy định theo hướng linh hoạt, thuận tiện hơn, sẵn sàng ứng phó với khủng hoảng tương lai.

³ Gồm: Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Lâm Đồng, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông.

⁴ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 06/5/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 22/5/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

manh mẽ công nghệ thông tin, hướng tới một nền hành chính hiện đại, hiệu quả, phi giấy tờ.

- Văn phòng Chính phủ phát huy tính tiên phong, xây dựng và đưa vào vận hành một số Hệ thống thông tin nền tảng của CPĐT, giúp đổi mới lề lối làm việc trong các cơ quan nhà nước cũng như cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp:

(i) Trục liên thông văn bản quốc gia được khai trương từ ngày 12/3/2019, đến ngày 24/12/2020 đã kết nối, liên thông gửi, nhận văn bản điện tử giữa 95/95 cơ quan trung ương và địa phương. Năm 2020, có 2,6 triệu văn bản điện tử được gửi-nhận qua Trục – tăng 2,5 lần so với năm 2019 (1,1 triệu văn bản). Tính chung, kể từ khi vận hành đã có hơn 3,6 triệu văn bản điện tử, gửi nhận qua Trục. *Theo tính toán sơ bộ giúp tiết kiệm được trên 1.200 tỷ đồng/năm.*

(ii) Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet) với mục tiêu hướng tới Chính phủ không giấy tờ được vận hành từ ngày 24/6/2019 đến ngày 24/12/2020 đã phục vụ 24 phiên họp Chính phủ và hơn 620 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, giúp thay thế hơn 225 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy. *Chi phí tiết kiệm được khi sử dụng Hệ thống là khoảng 169 tỷ đồng/năm.*

(iii) Cổng Dịch vụ công quốc gia: Sau một năm vận hành chính thức từ ngày 09/12/2019 với 8 dịch vụ công ban đầu, đến ngày 24/12/2020 đã có hơn 2.650 dịch vụ công được tích hợp, cung cấp trên tổng số gần 6.700 TTHC tại 4 cấp chính quyền (đạt tỷ lệ 39%, vượt chỉ tiêu Chính phủ giao 9%), với hơn 99 triệu lượt truy cập, hơn 412 nghìn tài khoản đăng ký; hơn 27,2 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; trên 719 nghìn hồ sơ thực hiện trực tuyến và hơn 46 nghìn giao dịch thanh toán điện tử trên Cổng; tiếp nhận, hỗ trợ trên 43,8 nghìn cuộc gọi, hơn 9,6 nghìn phản ánh, kiến nghị. *Chi phí xã hội tiết kiệm được khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng là hơn 6.700 tỷ đồng/năm.*

(iv) Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khai trương ngày 19/8/2020 là hạ tầng số thông minh phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số phù hợp theo lộ trình chuyển đổi số quốc gia. Đến nay, Hệ thống đã kết nối với 14 bộ, cơ quan, 37 địa phương và 106/200 chỉ tiêu kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cung cấp dữ liệu, hiển thị trên các Bảng theo dõi trực quan; 63/63 tỉnh đã cung cấp dữ liệu trực tuyến cho 08 chỉ tiêu kinh tế - xã hội... *Chi phí tiết kiệm khi vận hành Hệ thống này khoảng 460 tỷ đồng/năm.*

Các hệ thống thông tin trên được đưa vào vận hành giúp tiết kiệm chi phí xã hội ước tính trên 8.500 tỷ đồng/năm (theo cách tính của OECD) và nhận được phản hồi tích cực của xã hội⁵; tạo sự thay đổi rõ rệt về phương thức làm việc giữa các cơ quan hành chính nhà nước cũng như trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch

⁵ Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống e-Cabinet, Cổng Dịch vụ công quốc gia đều được bình chọn nằm trong 10 sự kiện nổi bật về công nghệ thông tin và truyền thông, về khoa học và công nghệ do các câu lạc bộ Nhà báo công bố năm 2019. Trong đó, Trục liên thông văn bản quốc gia đã đạt giải vàng của giải thưởng kinh doanh quốc tế năm 2019 tổ chức tại Công hòa Áo, Hệ thống e-Cabinet được vinh danh tại giải thưởng Sao Khuê năm 2020 cho giải pháp phần mềm xuất sắc.

vụ công trực tuyến; vừa tạo lực kéo vừa tạo lực đẩy trong triển khai CPĐT, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số; góp phần thực hiện mục tiêu kép của Chính phủ vừa phát triển kinh tế vừa hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19.

Liên hợp quốc xếp hạng Chính phủ điện tử năm 2020, Việt Nam xếp thứ 86/193 quốc gia, vùng lãnh thổ tăng 02 bậc so với năm 2018, duy trì việc tăng hạng liên tục trong giai đoạn 2014-2020 từ vị trí 99 lên vị trí 86, được xếp vào nhóm các nước phát triển Chính phủ điện tử ở mức cao và cao hơn chỉ số trung bình thế giới.

3. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Một số tồn tại, hạn chế

- Việc đánh giá tác động và lấy ý kiến đơn vị kiểm soát TTHC đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC chưa được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc⁶; việc thẩm định quy định TTHC trong một số văn bản quy phạm pháp luật còn chưa chặt chẽ dẫn đến TTHC trên nhiều lĩnh vực vẫn còn phức tạp và tiếp tục là rào cản trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân.

- Việc công bố, công khai TTHC chưa bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ; việc niêm yết TTHC (gồm hồ sơ, yêu cầu, điều kiện, thời gian giải quyết ...) tại trụ sở cơ quan giải quyết TTHC và công khai trên Cổng thông tin điện tử của các Bộ, ngành, địa phương chưa đầy đủ, kịp thời; nhiều thủ tục không còn hiệu lực thi hành nhưng chưa được thay thế; một số cơ quan, đơn vị còn tình trạng không thống nhất giữa nội dung thủ tục được niêm yết công khai với việc tổ chức tiếp nhận, giải quyết; cá biệt có đơn vị không thực hiện việc niêm yết theo Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cũng như các văn bản quy phạm pháp luật mà niêm yết trên cơ sở Quyết định của cơ quan, đơn vị giải quyết đã gây khó khăn cho người dân trong việc tiếp cận và thực hiện.

- TTHC, điều kiện kinh doanh trên một số lĩnh vực vẫn còn chồng chéo, rườm rà, phức tạp, mâu thuẫn, thậm chí “cài cắm”, “biến tướng”, phát sinh thêm.

- Việc thực hiện TTHC đã được đổi mới, chất lượng giải quyết TTHC đã được nâng cao hơn trước đây, tuy nhiên, vẫn còn tình trạng những nhiễu, tiêu cực, chậm trễ, gây phiền hà; người thực hiện phải đi lại nhiều lần, nhiều cơ quan; tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, giao dịch thanh toán trực tuyến còn thấp so với số lượng hồ sơ trực tiếp và giao dịch thanh toán bằng tiền mặt; kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công còn yếu; số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp bộ, cấp tỉnh còn lớn (cấp bộ chiếm tới 58% tổng số TTHC); việc xã hội hóa dịch vụ hành chính công đã triển khai ở một số ngành, lĩnh vực (đăng kiểm; công chứng, ...) nhưng vẫn còn chậm, thiếu tổng thể.

- Việc liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm quản lý chuyên ngành của một số bộ, ngành với phần mềm một cửa điện tử của các địa phương

⁶ Một số Bộ, ngành, địa phương chưa thực hiện đúng quy trình kiểm soát quy định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật như: không thực hiện đánh giá tác động hoặc làm hình thức việc lấy ý kiến của đối tượng tuân thủ thủ tục hành chính của một số cơ quan chủ trì soạn thảo còn hình thức, phạm vi hẹp.

còn bất cập, gây khó khăn cho các địa phương trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

b) Nguyên nhân

- Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện tại nhiều Bộ, ngành, địa phương chưa quyết liệt, sát sao; chưa có sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước về cải cách TTHC. Công tác tham mưu phục vụ sự chỉ đạo điều hành của đơn vị chuyên trách còn chậm và chưa sát với yêu cầu nhiệm vụ⁷; một số nơi triển khai còn hình thức, đối phó, chưa quyết liệt.

- Nguồn lực để bảo đảm thực thi nhiệm vụ chưa tương ứng với yêu cầu, nhất là về yếu tố con người (nhiều nơi không bố trí đủ biên chế, chế độ đãi ngộ cho những người làm công tác cải cách TTHC chưa được quan tâm đúng mức; việc tổ chức Bộ phận Một cửa hiện nay tại vẫn còn phân tán, gắn liền với địa giới hành chính; cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu công việc; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính còn hạn chế, phổ biến nhất là tình trạng các phần mềm chuyên ngành, ngành dọc không kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công của địa phương).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAO

1. Kết quả đạt được

a) Về thực hiện nhiệm vụ giao

- Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, từ đầu năm đến nay, các bộ, cơ quan, địa phương tập trung thực hiện rất quyết liệt, khẩn trương và kịp thời các chỉ đạo, kết luận, nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, nhất là các nhiệm vụ giao liên quan đến hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh, phục hồi và phát triển kinh tế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khôi phục, phát triển sản xuất, kinh doanh trước đại dịch Covid-19 được chỉ đạo quyết liệt, như việc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các Nghị định về: Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất; bổ sung danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư⁸; các Nghị quyết về: Các nhiệm vụ giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, tháo gỡ một số vướng mắc trong thực hiện các dự án xây dựng đô thị theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP về quản lý đầu tư phát triển đô thị, về đổi mới nâng cao hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, về phát triển bền vững⁹; các Chỉ thị về: Các giải pháp cấp bách tháo gỡ, khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19, về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi tạo sáng tạo; các nhiệm vụ liên quan đến thúc đẩy sản xuất

⁷ Việc chậm sửa đổi, bổ sung quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc công bố, công khai TTHC đã ảnh hưởng đến kết quả triển khai công tác kiểm soát TTHC của Bộ, ngành, địa phương nói riêng cũng như kết quả cải cách thủ tục hành chính nói chung trên phạm vi cả nước

⁸ Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020, Nghị định số 37/2020/NĐ-CP ngày 30/3/2020.

⁹ Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020; Nghị quyết số 164/NĐ-CP ngày 5/11/2020; Nghị quyết số 161/NQ-CP ngày 29/10/2020; Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020; Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/09/2020.

tiếp tục được thực hiện bảo đảm đúng tiến độ theo yêu cầu, một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn...¹⁰

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao năm 2020 và cả nhiệm kỳ đã có chuyển biến tích cực hơn so với các năm trước và có tiến bộ vượt bậc so với các năm chưa có Tổ công tác của Thủ tướng. Cụ thể: Trong năm, có tổng số 9.721 nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương. Trong đó, có 5.622 nhiệm vụ đã hoàn thành; chưa hoàn thành: 4.099 (trong hạn: 3.919, quá hạn: 180), **số nhiệm vụ quá hạn của năm 2020 chỉ chiếm 1,8%, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm trước và giảm hơn 23,4% so với năm 2016 - thời điểm Tổ công tác chưa thành lập (25.2%) - Phụ lục I.**

Nhiệm vụ giao tại các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ được thực hiện nghiêm túc, cơ bản đúng tiến độ: Có tổng số 479 nhiệm vụ giao tại 11 Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ; đã hoàn thành 473/479 nhiệm vụ; còn 6 nhiệm vụ chưa hoàn thành quá hạn (*05 nhiệm vụ liên quan đến xây dựng Chính phủ điện tử; 01 nhiệm vụ về đưa quỹ hỗ trợ phát triển du lịch vào hoạt động*).

- Tài liệu phục vụ Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội được gửi đầy đủ, kịp thời trước khi khai mạc các phiên họp.

+ Năm 2020, đã chuẩn bị 105 Báo cáo, Tờ trình, dự án luật, Nghị quyết (gồm: 31 Báo cáo trình bày tại hội trường; 61 Báo cáo gửi đại biểu Quốc hội; 13 dự án Luật trình Quốc hội).

+ Từ đầu nhiệm kỳ đến 30/11/2020, đã chuẩn bị 667 Báo cáo, Tờ trình, dự án luật, Nghị quyết (gồm: 356 báo cáo tại 50 phiên họp của UBTVQH; 311 báo cáo, tờ trình tại 10 kỳ họp Quốc hội khóa XIV cho ý kiến về các vấn đề, chương trình, dự án lớn thuộc thẩm quyền của Quốc hội).

b) Về thực hiện các đề án trong Chương trình công tác

- Các đề án trình Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư được xây dựng, trình cơ bản bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng, không chậm nợ. Tuy nhiên, có một số đề án có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, cần có thời gian để thẩm định, lấy ý kiến nhiều bộ, cơ quan do đó chưa trình theo đúng tiến độ.

Trong năm, có 38 Đề án trình Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (16 Đề án giao trong Chương trình làm việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2020; 03 đề án giao bổ sung tại Chỉ thị 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 1553-CV/BCSĐCP ngày 23/7/2020 của Ban Cán sự Đảng Chính phủ; 25 Đề án do Văn phòng Chính phủ rà soát, tổng hợp, theo dõi tình hình thực hiện qua Chương trình làm việc hàng tuần của Bộ Chính trị, Ban Bí thư). Trong đó, có 01 đề án cho lùi thời hạn trình sang năm 2021. Như vậy, trong năm có tổng số đề án 43 phải xây dựng, trình. Đến nay, **đã trình 43/43 đề án.**

- Các bộ, cơ quan chủ động và tích cực hơn trong việc xây dựng, trình các đề án trong Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chất lượng Chương trình công tác ngày càng được nâng cao, việc điều chỉnh tiến độ trình, việc xin lùi, xin rút năm sau giảm so với năm trước.

¹⁰ Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020, Chỉ thị 09/CT-TTg ngày 9/2/2020, Chỉ thị 41/CT-TTg ngày 01/12/2020.

+ Trong năm 2020 (tính đến 25/12/2020), có tổng số 594 đề án giao (gồm 420 đề án số giao đầu năm; 174 đề án giao bổ sung). Trong đó, số đề án xin rút khỏi CTCT là 51 đề án - giảm 18 đề án so với năm 2019; số đề án thực tế phải xây dựng, trình ban hành: 543 đề án.

Đến nay, đã trình 492/543 đề án¹¹, hiện còn 51 đề án chưa trình, trong đó 36 đề án trong hạn; **15 đề án nợ đọng chiếm 2,8% - giảm 5,2 % so với năm 2019 (8%)**.

+ Cả giai đoạn 2016-2020 có 2.462 đề án giao. Đã hoàn thành 2.411 đề án, đạt 97,9%; như vậy đến nay, **số đề án nợ đọng chỉ chiếm tỷ lệ 0,6%, giảm 16,5% so với thời điểm đầu nhiệm kỳ - năm 2016**.

c) Việc ban hành văn bản quy định chi tiết Luật, Pháp lệnh

- Trong năm 2020, trước tác động, ảnh hưởng rất lớn của đại dịch Covid-19 đến hoạt động, sản kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân, các Bộ, cơ quan đã rất ưu tiên, tập trung nguồn lực cho công tác hoàn thiện thể chế để tạo dư địa cho tăng trưởng, nhằm đạt được “mục tiêu kép” theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Công tác xây dựng, trình ban hành văn bản quy định chi tiết được các bộ, cơ quan chỉ đạo quyết liệt, tình trạng nợ đọng văn bản quy định được khắc phục, riêng trong năm 2017 - năm đầu tiên không nợ đọng văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

+ Trong năm 2020, có tổng số 108 văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, Pháp lệnh (59 văn bản quy định chi tiết Luật, pháp lệnh có hiệu lực từ 01/7/2020 trở về trước; 49 văn bản có hiệu lực từ 01/01/2021, sau khi thực hiện việc tích hợp theo chỉ đạo của Chính phủ, giảm còn 28 văn bản).

Như vậy, tổng số văn bản quy định chi tiết phải trình ban hành trong năm: 87 văn bản; đã ban hành 56 văn bản; còn 31 chưa ban hành (06 văn bản nợ đọng; 25 văn bản trong hạn, trong đó đã trình được 23/25 văn bản, chưa trình 02/25 văn bản)
- *Phụ lục II*.

d) Về xử lý kiến nghị của người dân, doanh nghiệp

- Các kiến nghị của địa phương với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương, được các bộ, cơ quan liên quan xử lý, trả lời đúng nội dung, vấn đề kiến nghị, với quan điểm, dẫn chiếu rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ. Tại Hội nghị Chính phủ với địa phương tháng 6/2020, Chính phủ nhận được 336 kiến nghị phát biểu trực tiếp và qua văn bản. Theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ đã xử lý và trả lời cho địa phương 336/336 kiến nghị, đạt 100%.

- Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp ngày 09/5/2020 và tổng hợp của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, có tổng số 654 kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp (khoảng 500 kiến nghị trực tiếp, trực tuyến gửi trước, trong và sau Hội nghị; 154 kiến nghị, đề xuất do VCCI tổng hợp), trong đó nhóm thành 157 nhóm kiến nghị, chủ yếu về các lĩnh vực tài chính, tín dụng, thuế... Về

¹¹ Số đề án giao năm 2020 tăng 102 đề án so với năm 2019

cơ bản, nhiều kiến nghị, đề xuất của cộng đồng doanh nghiệp đã được tổng hợp, xử lý ở các mức độ khác nhau tại các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (như Chỉ thị số 11/CT-TTg, Nghị định số 41/2020/NĐ-CP, Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020, Nghị quyết số 84/NQ-CP...), cụ thể:

+ Có 91 nhóm kiến nghị được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý ngay với nhiều giải pháp được đưa ra đã đáp ứng được sự mong đợi của cộng đồng doanh nghiệp...;

+ 6 nhóm kiến nghị liên quan đến thẩm quyền giải quyết của Quốc hội đã báo cáo, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua;

+ Các nhóm kiến nghị khác đã được các bộ, cơ quan xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

- Việc tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp cũng được quan tâm chỉ đạo quyết liệt thông qua thiết lập Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ giúp kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân.

Ngày 09/12/2019, sau khi Cổng Dịch vụ công quốc gia chính thức khai trương, Hệ thống trên được vận hành tại một địa chỉ duy nhất (pakn.dichvucong.gov.vn) giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nắm bắt được các vấn đề phát sinh từ phía người dân, doanh nghiệp để chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ. Đến nay, Hệ thống đã tiếp nhận tổng số 4.713 phản ánh, kiến nghị của người dân (trong tổng số hơn 9,6 nghìn phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia), trong đó có 1.914 phản ánh kiến nghị thuộc phạm vi xem xét, xử lý, đã chuyển 1.327 phản ánh đến các bộ, ngành, địa phương xem xét, xử lý theo thẩm quyền, số còn lại đang đề nghị người dân bổ sung thông tin làm cơ sở xem xét, chuyển xử lý. Các bộ, ngành, địa phương đã trả lời 1.119 phản ánh, kiến nghị, đạt 85%; kết quả trả lời được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và hầu hết người dân đều hài lòng với kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

2. Một số tồn tại, hạn chế:

- Tình trạng nợ đọng nhiệm vụ quá hạn hoặc nhiệm vụ đã thực hiện nhưng không bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ theo yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chưa được khắc phục triệt để và vẫn chủ yếu diễn ra ở một số Bộ, cơ quan, địa phương nhất định. Đặc biệt, một số nhiệm vụ liên quan đến hoàn thiện thể chế, chính sách, xử lý các vấn đề dư luận quan tâm chưa được khẩn trương thực hiện, như: Việc triển khai sử dụng dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức điện tử không dừng, việc hướng dẫn nhà đầu tư (tại tỉnh Bình Định) thực hiện cơ cấu doanh nghiệp và thực hiện đầu tư kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, việc chuyển giao đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước...

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giao, Chương trình công tác, khi có vấn đề phát sinh như thiếu điều kiện về nguồn lực để thực hiện, phạm vi, thời gian thực hiện chưa bảo đảm nhưng không chủ động, thông tin, phối hợp với Văn phòng Chính phủ để báo cáo, tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải pháp giải

quyết, xử lý, dẫn đến việc nợ đọng các đề án không được xử lý triệt để; có đề án nợ đọng kéo dài (nợ đọng từ năm 2019), như: Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông và CNTT giai đoạn 2020 - 2025; đa dạng hóa nội dung chương trình truyền hình phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại và phát triển du lịch; xây dựng Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030; Cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản và thu nhập....

- Tại một số thời điểm nhất định trong năm, tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết không được quyết liệt chấn chỉnh; một số văn bản trình ban hành không đúng tiến độ để bảo đảm có hiệu lực cùng các Luật, Pháp lệnh, gây khó khăn, lúng túng trong quá trình thực hiện Luật, pháp lệnh, như: Nghị định về: việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập (hướng dẫn điểm a khoản 2 Điều 60, Luật Giáo dục sửa đổi); về quản lý người giữ chức danh, chức vụ, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp...

- Một số bộ, ngành, địa phương chưa sát sao trong việc xem xét, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, dẫn đến có những phản ánh, kiến nghị chưa được xử lý đúng thời hạn, hoặc nội dung trả lời chưa thấu đáo nên người dân, doanh nghiệp tiếp tục gửi phản ánh.

- Nhiều tài liệu, tờ trình, báo cáo trình ra Quốc hội còn chậm so với thời hạn quy định.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém:

a) Nguyên nhân khách quan

- Một số nhiệm vụ, đề án giao có nội dung khó, phức tạp, nhạy cảm, phạm vi rộng, đòi hỏi phải mất nhiều thời gian nghiên cứu, phải lấy ý kiến nhiều bộ, cơ quan, địa phương hoặc phải cân nhắc, tính toán kỹ thời gian trình ban hành nên không đáp ứng được yêu cầu tiến độ ban đầu.

- Một số nhiệm vụ về tham mưu cơ chế, chính sách, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đòi hỏi phải theo đúng quy trình quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhưng thời gian giao thực hiện lại quá ngắn, đòi hỏi phải khẩn trương hoặc việc phối hợp cho ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của cơ quan chủ trì.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Lãnh đạo một số bộ, cơ quan, địa phương, nhất là người đứng đầu các đơn vị trực thuộc đôi lúc chưa thực sự quyết liệt trong chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, còn thiếu đôn đốc, kiểm tra kịp thời dẫn đến số nhiệm vụ quá hạn thực hiện vẫn còn. Ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ chưa cao.

- Nhiều bộ, cơ quan, địa phương chưa tích cực, chủ động tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ; chưa kịp thời phản ánh thông tin về những vướng mắc cũng như tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng xử lý, điều chỉnh.

- Cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ đôi lúc còn cứng nhắc, không linh hoạt, sáng tạo, dẫn đến nhiệm vụ giao bị quá hạn, không bảo đảm đúng tiến độ theo yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CÔNG TÁC

Kể từ khi thành lập ngày 19/8/2016, dưới sự chỉ đạo trực tiếp, động viên kịp thời của Thủ tướng Chính phủ, sự ủng hộ, đồng thuận của các bộ, cơ quan, địa phương, Tổ công tác đã hoạt động rất tích cực, hiệu quả, góp phần tạo ra những thay đổi quan trọng trong việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và trong công tác hoàn thiện thể chế, xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính, tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính. Một số kết quả chủ yếu của Tổ công tác thời gian qua như sau:

1. Trong năm 2020, với việc ban hành Kế hoạch hoạt động của Tổ công tác ngay từ đầu năm (Kế hoạch số 63/KH-TCTTTg ngày 22/01/2020) với nội dung, thành phần được đôn đốc, kiểm tra cụ thể đã phát huy hiệu quả. Các Bộ, cơ quan, địa phương đã chủ động rà soát, tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ giao theo đúng yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đã có báo cáo kết quả thực hiện gửi Tổ công tác. Do đó, đã giảm được một số cuộc kiểm tra của Tổ công tác với các bộ, cơ quan, địa phương, như cuộc kiểm tra về xây dựng Chính phủ điện tử, về thực hiện nhiệm vụ giao tại Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, về thực hiện nhiệm vụ giao liên quan đến sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn và cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước... Đồng thời, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Tổ công tác đã đổi mới cách thức, phương pháp làm việc, kế hoạch được điều chỉnh linh hoạt, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Thay vì làm việc trực tiếp tại bộ, địa phương, Tổ công tác đã làm việc cùng lúc với nhiều bộ, cơ quan, địa phương theo từng nhóm vấn đề cần đôn đốc, kiểm tra. Do đó, vừa bảo đảm tốt công tác phòng chống dịch, vừa đạt hiệu quả và kế hoạch đề ra ngay từ đầu năm.

Với cách làm này, đã giảm bớt được số buổi làm việc nhưng các bộ, cơ quan, địa phương cần đôn đốc, kiểm tra lại tăng lên; tạo cơ hội cho các bộ, cơ quan, địa phương trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tự “soi chiếu” kết quả thực hiện nhiệm vụ giao của cơ quan mình với của bộ, cơ quan, địa phương khác làm tốt hơn để cố gắng và nỗ lực hơn.

- Trong năm, Tổ công tác đã tiến hành 21 buổi làm việc với 24 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và 18 địa phương nhằm đôn đốc, kiểm tra về: *04 cuộc* về công tác hoàn thiện thể chế, tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết; *02 cuộc* về việc thực hiện nhiệm vụ giao; *04 cuộc* về tình hình xây dựng, trình các đề án trong Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; *08 cuộc* việc triển khai thực hiện nhiệm vụ giao liên quan đến xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính; *01 buổi làm việc* với Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và 13 Tập đoàn, Tổng công ty để đôn đốc tình hình thực hiện nhiệm vụ giao và nắm bắt những khó khăn, vướng mắc mà các Tập đoàn, Tổ công ty đang gặp phải; *01 buổi làm việc* với 04 Bộ (Công Thương, Tài chính, Giao thông vận tải, Tư pháp) về việc xử lý vướng mắc trong nhập khẩu xe ô tô chở khách dưới 16 chỗ chậm trễ trong xử lý theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 79/VPCP-KTTH ngày 04/01/2019; *01 buổi* làm việc với Bộ Tài nguyên

và Môi trường và các Bộ: Công Thương, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ về việc thống nhất phương án đề xuất, tham mưu với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp đang gặp phải trong quá trình thực hiện Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

- Sau gần 5 năm hoạt động, Tổ công tác đã thực hiện 103 cuộc kiểm tra đối với 22 bộ, cơ quan ngang bộ; 02 cơ quan thuộc Chính phủ; 44 địa phương; 12 Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước gồm: *18 cuộc* về việc thực hiện nhiệm vụ giao; *11 cuộc* về công tác hoàn thiện thể chế; *21 cuộc* về cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh; *19 cuộc* đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ về thực hiện mục tiêu tăng trưởng; *10 cuộc* tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp; *14 cuộc* về xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính; *08 cuộc* đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trình các đề án trong CTCT; *01 cuộc* về việc thực hiện các quy định liên quan đến cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), chống lừa tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận, giả mạo xuất xứ; *1 cuộc* về thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và việc bãi bỏ văn bản ban hành trái pháp luật của các bộ, cơ quan; *01 cuộc* việc thực hiện nhiệm vụ giao liên quan đến thanh toán, trả nợ nước ngoài.

Ngoài ra, Tổ công tác đã có 16 buổi làm việc với các cơ quan, Hiệp hội, gồm: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, Hiệp hội các nhà máy đúc Nhật Bản, Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc, Hiệp hội doanh nghiệp Đài Loan), các Hiệp hội doanh nghiệp trong nước, gồm Dệt may, Da giày và túi xách, Giấy và Bột giấy, Vận tải, Ô tô, Doanh nghiệp hàng không, Bất động sản, Logistic, Gỗ và Chế biến lâm sản, Thức ăn chăn nuôi, các trường đại học, cao đẳng Việt Nam... và Hội đồng tư vấn du lịch để lắng nghe, nắm bắt những khó khăn về cơ chế, chính sách và những rào cản hành chính mà doanh nghiệp đang gặp phải.

2. Qua các cuộc kiểm tra tinh thần, quan điểm, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ được quán triệt, đôn đốc thực hiện; đưa các giải pháp, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành những kết quả cụ thể, đi vào cuộc sống; nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách và nhiều khoảng trống pháp lý; nhiều vấn đề tồn tại, bất cập, dư luận quan tâm, bức xúc liên quan đến công tác chỉ đạo, điều hành của các bộ, cơ quan địa phương; nhiều bất cập, yếu kém trong công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đã được phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục và xử lý kịp thời. Cụ thể:

a) Đối với việc thực hiện nhiệm vụ giao

- Hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng đã có tác động lan tỏa mạnh mẽ, tạo áp lực, thúc đẩy các bộ, cơ quan, địa phương quyết liệt, quyết tâm trong việc thực hiện nhiệm vụ giao, bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả hơn, đã góp phần quan trọng tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác chỉ đạo, điều hành của các bộ, cơ quan, địa phương. Các bộ, cơ quan, địa phương được kiểm tra đều đánh giá cao nhiệm vụ và tinh thần trách nhiệm của Tổ công tác, đã tạo cho các bộ,

cơ quan, địa phương có sự chuyển mình thực sự, việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được khẩn trương, kịp thời hơn.

Học tập sáng kiến của Thủ tướng Chính phủ và kinh nghiệm hoạt động của Tổ công, hầu hết các bộ, cơ quan địa phương đều thành lập Tổ công tác đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giao do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan và Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng.

- Trách nhiệm người đứng đầu được đề cao, chủ động, linh hoạt trong điều hành, quyết liệt trong chỉ đạo; tích cực tìm kiếm giải pháp hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giao, nhất là đối với các nhiệm vụ giao mang tính phức tạp, khó, đòi hỏi nhiều nguồn lực, liên quan đến nhiều bộ, cơ quan, địa phương; chủ động phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan để xử lý hoặc kịp thời báo cáo, tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng xử lý, giải quyết các vấn đề, nội dung còn có ý kiến khác nhau hoặc có vướng mắc về cơ chế, chính sách.

- Nhiều vấn đề tồn tại, bất cập, chậm được xử lý, giải quyết có liên quan đến công tác chỉ đạo, điều hành của các bộ, cơ quan địa phương được khắc phục, chấn chỉnh kịp thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, như: Vấn đề đánh giá tác động môi trường các dự án, nhà máy, khai thác khoáng sản; công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và bảo vệ môi trường; những bất cập, tồn tại trong lĩnh vực thuế (thất thu, nợ đọng thuế), hải quan (phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực); việc thực hiện các quy định liên quan đến cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận, giả mạo xuất xứ hàng hóa; công tác bảo đảm an toàn giao thông; vấn đề cấp phép nạo vét, khơi thông luồng lạch có tận thu; công tác thẩm định, thanh tra, giám sát chất lượng công trình, dự án BOT; công tác quản lý, tổ chức lễ hội; du lịch, thể thao; công tác quản lý nghệ thuật biểu diễn, phong tặng các danh hiệu cho các nghệ sỹ; vấn đề quản trị, công tác cổ phần hóa, thoái vốn tại các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước...

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ giao chuyển biến rõ nét, ngày càng thực chất. Cụ thể: Thời điểm đầu nhiệm kỳ (đầu năm 2016) số nhiệm vụ quá hạn chiếm tới 25,2%. Đến tháng 12/2016 - ngay sau khi Tổ công được thành lập được 4 tháng, đã kéo giảm tỷ lệ nợ đọng nhiệm vụ xuống còn 2,82% - đã tạo tiền đề và tạo một bước chuyển căn bản về kỷ luật, kỷ cương trong việc thực hiện nhiệm vụ giao. Đến nay, chỉ có 180/9.721 số nhiệm vụ quá hạn, chiếm 1,8% - giảm 23,4% so với năm 2016 - thời điểm Tổ công tác chưa thành lập như đã báo cáo ở trên.

b) Đối với công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách

- Qua các cuộc kiểm tra về công tác hoàn thiện thể chế đối với các bộ, cơ quan trong việc xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh, quan điểm, tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng về yêu cầu xây dựng thể chế là việc làm chủ động, thường xuyên, tháo gỡ để phát triển được quán triệt sâu sắc và triệt để.

- Đổi mới tư duy xây dựng văn bản, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch để hướng tới sự thống nhất, đồng bộ; từ quản lý thắt chặt sang tạo hành lang pháp lý thuận lợi, khuyến khích phát triển, tháo gỡ mọi vướng mắc, thúc đẩy đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Qua đó, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt

Nam và Việt Nam được đánh giá là nước cải thiện tốt nhất về năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Đặc biệt, sau các cuộc kiểm tra của Tổ công tác trong năm 2020 về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết, tiếp tục tạo dấu ấn cải cách, đổi mới mạnh mẽ về tư duy, phương pháp xây dựng văn bản quy định chi tiết.

+ Trước thực trạng 01 văn bản Luật có nhiều Nghị định, thậm chí có đến hàng chục Nghị định quy định chi tiết (chưa kể các Thông tư hướng dẫn các Nghị định), có Nghị định chỉ hướng dẫn một Điều, một Khoản của một Điều trong Luật, dễ dẫn đến tình trạng chồng chéo, làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, gây phức tạp hóa cho việc thực thi pháp luật của người dân, làm cản trở sự thông thoáng của hệ thống pháp luật và gia tăng chi phí, thời gian của người dân và xã hội. Tổ công tác đã rất quyết liệt tham mưu, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan phải kiên quyết lồng ghép, cắt giảm tối đa số lượng đầu văn bản quy định chi Luật, pháp lệnh.

+ Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Tổ công tác, tại Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 và tháng 9 năm 2020, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo, yêu cầu các Bộ, cơ quan: *“Cắt giảm tối đa số lượng văn bản quy định chi tiết theo hướng một luật chỉ ban hành tối đa 2 Nghị định quy định chi tiết, trường hợp đặc thù báo cáo Thủ tướng xem xét, quyết định; 01 Nghị định chỉ ban hành 01 Thông tư hướng dẫn”*.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, cơ quan đã thực hiện việc tích hợp từ 49 văn bản quy định chi tiết Luật có hiệu lực từ 01/01/2021 xuống còn 29 văn bản - giảm 20 văn bản so với phân công. Trong đó, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội đã tích hợp từ 14 Nghị định còn 4, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tích hợp từ 12 Nghị định còn 5. Với việc cắt giảm này đã giúp đơn giản hóa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tránh phát sinh thêm thủ tục hành chính, giảm chồng chéo, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong tra cứu và thực thi. *Đến nay, đã ban hành 03/29 văn bản; đã trình 23/29 văn bản; còn 03/29 văn bản chưa trình.*

- Đốc thúc các bộ, cơ quan tập trung, ưu tiên nguồn lực để xây dựng và hoàn thiện thể chế, tạo dư địa cho tăng trưởng. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết có nhiều chuyển biến rõ rệt, hầu hết các văn bản được ban hành có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Luật, pháp lệnh. Số văn bản quy định chi tiết nợ đọng, chậm ban hành giảm thấp nhất từ trước đến nay (cuối nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII, Chính phủ nợ 58 văn bản; cuối nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, Chính phủ nợ 39 văn bản). ***Trong đó năm 2017 - là năm đầu tiên không nợ văn bản quy chi tiết thuộc thẩm quyền Chính phủ. Đến thời điểm hiện nay chỉ còn nợ 6 văn bản.***

c) Về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh

Qua các cuộc kiểm tra chuyên đề về bảo đảm mục tiêu tăng trưởng; tháo gỡ, khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh đã kịp thời phát hiện nhiều bất cập, chồng chéo về cơ chế, chính sách; những rào cản liên quan đến thể chế, chính sách, dễ tạo kẽ hở để cán bộ thực thi công vụ sách nhiễu, tiêu cực; những khoảng trống pháp lý, nhiều vấn đề thực tiễn đang đòi hỏi phải được thay đổi nhưng bị ràng

buộc, hạn chế bởi các chế định pháp lý hiện hành cần khẩn trương ban hành để đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước.

- Tổ công tác đã kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu bộ, cơ quan, địa phương có giải pháp khắc phục, chấn chỉnh kịp thời nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Trên cơ sở các kiến nghị của Tổ công tác, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện hơn hơn 300 nhiệm vụ cụ thể để khắc phục, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập liên quan đến cơ chế, chính sách và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Trong đó, Chính phủ yêu cầu rà soát để xây dựng, sửa đổi, bổ sung tổng số 56 văn bản, gồm 04 Luật, 30 Nghị định, 02 Quyết định, 13 Thông tư; 05 Nghị quyết; 02 Đề án (chưa kể 87 Luật, Nghị định, Thông tư về KTCN, ĐKKD đã được kiến nghị rà soát, sửa đổi, bổ sung và thay thế).

Đến nay, 55/56 văn bản đã được ban hành, có hiệu lực để tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp. Trong đó, có nhiều văn bản ban hành đã ghi dấu ấn về tinh thần cải cách mạnh mẽ, cầu thị, quyết liệt của các bộ, cơ quan như: Luật Đầu tư (sửa đổi), Luật Đầu tư công (sửa đổi), Luật Xây dựng (sửa đổi), Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi); các Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Nghị định số 141/2018/NĐ-CP quy định về quản lý và tổ chức lễ hội, Nghị định số 84/2019/NĐ-CP về quản lý phân bón, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch; Thông tư số 01/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường bãi bỏ quy định bất cập liên quan đến quy trình kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu dùng làm nguyên liệu sản xuất; Nghị định số 69/2019/NĐ-CP về sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng xây dựng - chuyển giao; Thông tư số 05/2019/TT-BKHHCN ngày 26/6/2019 về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hóa; Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thông tư số 11/TT-BNNPTNT về kiểm dịch sản phẩm thủy sản; quy định về ngưỡng MRPL của các chỉ tiêu hóa chất, kháng sinh cho hàng thủy sản tiêu thụ nội địa...

Phản hồi của Hiệp hội doanh nghiệp ghi nhận những chỉ đạo thiết thực, cụ thể của Chính phủ và các Bộ đã kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, thể hiện tinh thần đồng hành với doanh nghiệp.

d) Đối với công tác phối hợp giữa các bộ, cơ quan

- Thúc đẩy mạnh mẽ các bộ, cơ quan, địa phương nâng cao trách nhiệm trong công tác phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giao. Công tác phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn; việc cho ý kiến phối hợp có chất lượng, cơ bản đúng nội dung, vấn đề, thể hiện rõ quan điểm đối với vấn đề được

phối hợp. Do đó, tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc “đẩy” công việc lên Thủ tướng đã cơ bản được khắc phục.

- Văn phòng Chính phủ đã thực hiện tốt vai trò điều phối giữa các bộ, cơ quan, địa phương; tham mưu xử lý nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, từ đó giảm việc đẩy nhiệm vụ lên Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chủ động xử lý các vấn đề khi còn ý kiến khác nhau giữa các bộ, ngành, địa phương, nhằm giảm áp lực công việc và thời gian trong các cuộc họp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

IV. KIẾN NGHỊ CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CHỈ ĐẠO CÁC BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG

1. Về cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi gắn với xây dựng Chính phủ điện tử

- Tập trung thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, trong đó, kiểm soát chặt chẽ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh ngay từ khâu dự thảo; nâng cao chất lượng thẩm định, thẩm tra, góp ý trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật giúp ngăn chặn việc phát sinh quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp; bảo đảm mục tiêu cắt giảm ít nhất 20% quy định, 20% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính và giảm tối đa số lượng văn bản quy định.

- Tập trung triển khai nghiêm túc, hiệu quả Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/11/2019 về chế độ báo cáo trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước để đóng góp tích cực vào việc đổi mới phương thức, lề lối làm việc, giảm giấy tờ hành chính, cắt giảm các chi phí, nhân lực cho cơ quan hành chính nhà nước, tạo môi trường làm việc hiện đại, hiệu quả.

- Thúc đẩy việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thông qua triển khai có hiệu quả Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ các chủ trương, giải pháp đã đề ra tại các Nghị quyết số 02/NQ-CP để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, trong đó, về kiểm tra chuyên ngành cần áp dụng quản lý rủi ro dựa trên cơ sở đánh giá, phân tích về mức độ tuân thủ của doanh nghiệp và mức độ, quy mô rủi ro của hàng hoá; chuyển mạnh từ chủ yếu thực hiện kiểm tra tại giai đoạn thông quan hàng hoá sang chủ yếu giám sát tại thị trường nội địa; công bố công khai danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành với mã số HS ở cấp độ chi tiết, cách thức quản lý chuyên ngành về xuất khẩu, nhập khẩu tương ứng và chi phí mà doanh nghiệp phải trả; hình thức công khai phải đảm bảo phù hợp, dễ tiếp cận; áp dụng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.

- Phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án thí điểm đổi mới cơ chế một cửa một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không phụ thuộc vào địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, cắt giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

- Hoàn thiện, trình phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng,

kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu theo hướng Cơ quan Hải quan là đầu mối thực hiện kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu (*trừ các hàng hóa liên quan đến kiểm dịch, an ninh, quốc phòng...*), bộ quản lý chuyên ngành thực hiện hậu kiểm, tổ chức triển khai thực hiện Đề án sau khi được ban hành. Theo dõi tình hình, đánh giá kết quả và đề xuất giải pháp cải thiện chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới; đánh giá kết quả thực hiện cải cách về quản lý, kiểm tra chuyên ngành; đánh giá mức độ thay đổi và tác động đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu, đề xuất giải pháp khắc phục. Hoàn thành kết nối Cổng Thông tin một cửa quốc gia, một cửa ASEAN với Cổng Dịch vụ công quốc gia; đẩy mạnh thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành và thanh toán các khoản phí liên quan đến kiểm tra chuyên ngành trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Hoàn thiện thể chế tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho việc triển khai CPĐT; duy trì, phát triển các nền tảng, hệ thống thông tin đã triển khai (Trục liên thông văn bản quốc gia, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hệ thống e-Cabinet) để đáp ứng ngày càng tốt hơn nữa kỳ vọng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, sớm đưa vào vận hành các Cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng, nhất là Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai.

- Tiếp tục đổi mới lề lối, phương thức làm việc thông qua việc thực hiện nghiêm gửi/nhận văn bản điện tử và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm việc thực hiện ở cả 4 cấp hành chính, không gửi kèm bản giấy, lưu trữ điện tử, bảo đảm đồng bộ trong triển khai; khuyến khích và mở rộng việc kết nối, liên thông, gửi/nhận văn bản điện tử với các đơn vị ngoài khối cơ quan hành chính nhà nước qua Trục liên thông văn bản quốc gia; đẩy mạnh hợp trực tuyến, sử dụng tài liệu điện tử và chuyển đổi từng bước việc điều hành dựa trên giấy tờ sang điều hành bằng dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tiếp tục phát huy vai trò của Tổ công tác của Thủ tướng về đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giao, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ trong việc đối thoại, nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính. Duy trì đều đặn và có hiệu quả, thực chất việc đối thoại giữa cơ quan nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ vướng mắc khó khăn và cải thiện môi trường kinh doanh.

2. Về việc thực hiện nhiệm vụ giao

- Các Bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ giao đã quá hạn. Đồng thời, chủ động thực hiện các nhiệm vụ còn trong hạn, nhất là các nhiệm vụ giao liên quan đến hoàn thiện thể chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách; các nhiệm vụ giao tại các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng, với tinh thần quyết liệt, không để nợ đọng. Khi có khó khăn, vướng mắc cần chủ động tìm giải pháp tháo gỡ hoặc thông tin, phản ánh, phối hợp kịp thời với Văn phòng Chính phủ để tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng xử lý, giải quyết.

- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan tiếp tục đề cao vai trò, trách nhiệm, có giải pháp giải quyết dứt điểm tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản của năm 2020; quyết tâm không để nợ đọng văn bản quy định chi tiết, các đề án trong Chương trình công tác sang năm sau.

3. Về công tác hoàn thiện thể chế

- Tiếp tục tập trung, ưu tiên cho công tác hoàn thiện thể chế; chủ động rà soát các văn bản Luật, Pháp lệnh, các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ, ngành mình và của các Bộ, ngành khác có liên quan để phát hiện những chông chéo, vướng mắc bất cập, những quy định bất hợp lý, không phù hợp với thực tiễn, đang là rào cản, gây cản trở đến phát triển kinh tế - xã hội và không phù hợp với các cam kết quốc tế, nhất là các điều ước quốc tế Việt Nam mới gia nhập (CPTPP, EVFTA, RCEP...); chủ động kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung kịp thời hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền để tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch cho người dân và doanh nghiệp.

- Trong quá trình đề xuất, xây dựng, trình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, Pháp lệnh bảo đảm lồng ghép tối đa số lượng văn bản quy định chi tiết theo đúng chỉ đạo của Chính phủ.

- Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và yêu cầu của thực tiễn để chủ động đề xuất các lĩnh vực cần ưu tiên trong xây dựng, hoàn thiện và thi hành pháp luật theo những nội dung định hướng trong các văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XIII, các Nghị quyết, Chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy về từng lĩnh vực cụ thể theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các Bộ với Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ để kịp thời có giải pháp tháo gỡ hoặc tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng giải quyết, xử lý các vấn đề, nội dung còn có ý kiến khác nhau, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa các khâu, từ khâu đề xuất đến xây dựng, thẩm định, thẩm tra, trình ban hành văn bản, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

- Bộ Tư pháp:

+ Tiếp tục thực hiện tốt việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các bộ, ngành trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, nhất là trong việc thực hiện tích hợp các văn bản nhằm cắt giảm tối đa văn bản quy định chi tiết Luật, Pháp lệnh theo đúng Nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

+ Thường xuyên rà soát, cập nhật tình hình xây dựng, trình ban hành các văn bản quy định chi tiết Luật, Pháp lệnh của các bộ, cơ quan để kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý các trường hợp không bảo đảm tiến độ, chất lượng.

4. Một số vấn đề khác

- Các bộ, ngành địa phương theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tổng hợp các kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao để xử lý kịp thời theo thẩm quyền; báo cáo các cấp những vấn đề vượt thẩm quyền để thúc đẩy, khai thông nguồn lực cho sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tiếp tục tổng hợp những khó khăn và kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp để xử lý theo thẩm quyền và báo cáo Thủ tướng Chính phủ những nội dung vượt thẩm quyền; đôn đốc, phối hợp với các cơ quan trong việc đề xuất giải pháp hiệu quả thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội năm 2021 và các năm tiếp theo, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp tại nhiều nước trên thế giới.

- Trong năm 2021, Tổ công tác tiếp tục kiểm tra các bộ, cơ quan, địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, đặc biệt sẽ tập trung đôn đốc, kiểm tra chuyên đề về công tác hoàn thiện thể chế và việc ban hành văn bản theo thẩm quyền nhằm khắc phục và xử lý triệt để tình trạng ban hành các văn bản trái thẩm quyền, trái quy định; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; tình hình xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính; việc thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết 68/NĐ-CP và các Nghị quyết chuyên đề quan trọng, có phạm vi tác động lớn, liên quan đến chủ trương cải cách và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, đời sống người dân cần khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các đại biểu dự Hội nghị CP với ĐP;
- Các thành viên Tổ công tác của TTg;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: Các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công TTĐTCP;
- Lưu: VT, TH (3b).L

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Mai Tiến Dũng

Phụ lục I

Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương (Ban hành kèm theo Báo cáo số...../TCTTTg ngày.....tháng 12 năm 2020 của Tổ công tác)

(Từ 01/01/2020 - 25/12/2020)

STT	Cơ quan được giao	Tổng số văn bản giao nhiệm vụ	Tổng số nhiệm vụ giao	Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành	
				Đúng hạn	Quá hạn	Trong hạn	Quá hạn
1	Bộ Công an	138	233	32	35	160	6
2	Bộ Quốc phòng	65	125	34	27	63	1
3	Văn phòng Chính phủ	45	88	86	0	2	0
4	Bộ Ngoại giao	56	113	90	0	23	0
5	Bộ Nội vụ	134	211	142	14	55	0
6	Bộ Tư pháp	81	140	110	0	30	0
7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	293	458	154	125	179	0
8	Bộ Tài chính	216	351	112	90	149	0
9	Bộ Công Thương	250	375	93	35	247	0
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	124	209	99	37	73	0
11	Bộ Giao thông vận tải	242	348	202	50	94	2
12	Bộ Xây dựng	106	188	124	0	64	0
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	176	251	148	0	103	0
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	97	203	57	21	121	4
15	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	113	189	140	0	49	0
16	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	71	130	66	12	47	5
17	Bộ Khoa học và Công nghệ	73	131	69	0	62	0
18	Bộ Giáo dục và Đào tạo	126	196	109	18	69	0
19	Bộ Y tế	99	167	36	33	96	2
20	Ủy ban Dân tộc	59	125	19	9	94	3
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	74	130	94	0	36	0
22	Thanh tra Chính phủ	82	134	11	33	74	16

23	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	17	53	12	7	33	1
24	Đài Tiếng nói Việt Nam	5	14	0	0	13	1
25	Đài Truyền hình Việt Nam	7	8	0	0	7	1
26	Thông tấn xã Việt Nam	4	5	0	0	5	0
27	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	3	3	2	0	0	0
28	UBND Thành phố Hà Nội	87	122	32	24	66	0
29	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	87	123	94	27	2	0
30	UBND Thành phố Hải Phòng	53	87	69	0	18	0
31	UBND Thành phố Đà Nẵng	47	81	30	2	41	8
32	UBND Thành phố Cần Thơ	44	77	55	0	21	1
33	UBND Cao Bằng	42	74	48	2	23	1
34	UBND Lạng Sơn	40	73	67	3	3	0
35	UBND Lai Châu	41	74	68	0	6	0
36	UBND Điện Biên	40	73	20	2	48	3
37	UBND Hà Giang	42	73	38	7	28	0
38	UBND Sơn La	41	73	19	2	41	11
39	UBND Tuyên Quang	42	79	31	0	48	0
40	UBND Yên Bái	41	73	59	0	14	0
41	UBND Lào Cai	41	75	17	11	47	0
42	UBND Bắc Kạn	41	72	13	0	54	5
43	UBND Thái Nguyên	45	79	41	0	38	0
44	UBND Phú Thọ	46	78	55	8	15	0
45	UBND Vĩnh Phúc	48	82	44	4	34	0
46	UBND Bắc Giang	43	76	48	1	27	0
47	UBND Bắc Ninh	48	85	51	0	34	0
48	UBND Hòa Bình	42	75	70	0	5	0
49	UBND Quảng Ninh	51	89	83	0	6	0
50	UBND Hải Dương	44	77	0	0	61	16
51	UBND Hưng Yên	47	82	75	0	7	0
52	UBND Thái Bình	40	72	68	2	2	0
53	UBND Hà Nam	42	74	13	1	60	0
54	UBND Nam Định	49	81	61	1	19	0

55	UBND Ninh Bình	46	83	9	11	63	0
56	UBND Thanh Hóa	52	84	33	1	50	0
57	UBND Nghệ An	47	79	9	2	51	17
58	UBND Hà Tĩnh	47	80	33	1	37	9
59	UBND Quảng Bình	42	75	65	0	10	0
60	UBND Quảng Trị	46	78	26	1	51	0
61	UBND Thừa Thiên Huế	46	79	64	2	13	0
62	UBND Quảng Nam	43	76	37	6	32	1
63	UBND Quảng Ngãi	42	75	58	2	12	3
64	UBND Bình Định	44	76	74	0	2	0
65	UBND Phú Yên	44	76	28	6	42	0
66	UBND Khánh Hòa	50	83	42	0	41	0
67	UBND Ninh Thuận	48	80	66	2	12	0
68	UBND Bình Thuận	49	81	44	0	37	0
69	UBND Gia Lai	43	76	45	0	31	0
70	UBND Kon Tum	44	77	64	2	11	0
71	UBND Đắk Lắk	43	75	51	2	22	0
72	UBND Đắk Nông	42	76	70	0	6	0
73	UBND Lâm Đồng	51	83	61	4	18	0
74	UBND Đồng Nai	52	88	26	3	51	8
75	UBND Bà Rịa - Vũng Tàu	49	82	70	4	7	1
76	UBND Long An	51	85	45	0	40	0
77	UBND Tây Ninh	43	76	11	4	61	0
78	UBND Bình Dương	43	76	74	0	2	0
79	UBND Bình Phước	41	74	0	0	60	14
80	UBND Tiền Giang	50	83	41	3	35	4
81	UBND Bến Tre	45	79	68	0	11	0
82	UBND Hậu Giang	44	77	34	9	32	2
83	UBND Sóc Trăng	48	84	34	4	46	0
84	UBND Đồng Tháp	45	78	16	0	62	0
85	UBND Vĩnh Long	44	81	80	0	1	0
86	UBND Trà Vinh	44	79	60	2	15	2

87	UBND An Giang	45	79	22	5	52	0
88	UBND Kiên Giang	52	85	4	5	66	10
89	UBND Bạc Liêu	42	73	41	5	22	5
90	UBND Cà Mau	47	80	61	2	17	0
91	Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	2	2	0	0	1	1
92	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	2	2	0	0	1	1
93	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	2	4	0	0	4	0
94	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	3	4	0	0	4	0
95	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11	12	0	0	9	3
96	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1	1	0	0	1	0
97	Tổng công ty Lương thực miền Nam	1	1	0	0	1	0
98	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	2	3	1	0	2	0
99	Ngân hàng Chính sách xã hội	3	4	1	0	3	0
100	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	1	1	0	0	1	0
101	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	1	1	0	0	1	0
102	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	2	2	1	0	1	0
103	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1	1	0	0	1	0
104	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	2	2	0	0	2	0
105	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	3	4	0	0	4	0
106	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	1	1	0	0	1	0
107	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	1	1	0	0	1	0
108	Tòa án nhân dân tối cao	3	3	0	0	3	0
109	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	3	3	1	0	1	0
110	Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia	6	8	2	0	6	0
111	Hội Khuyến học Việt Nam	1	1	0	0	1	0
112	Đại học Quốc gia Hà Nội	2	2	2	0	0	0
113	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	2	2	0	0	1	1
114	Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	42	46	15	0	31	0
115	Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội	1	1	1	0	0	0
116	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam	1	1	0	0	1	0
	Tổng số		9721	4877	745	3919	180

Phụ lục II**Danh mục văn bản quy định chi tiết nợ đọng và có hiệu lực từ 01/01/2021***(Ban hành kèm theo Báo cáo số..... 10883/BC-VPCP ngày 26 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ)***I. Danh mục văn bản quy định chi tiết nợ đọng**

TT	Tên luật	Tên văn bản quy định chi tiết thi hành luật	Thời gian trình theo phân công	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Đơn vị theo dõi của VPCP	Ý kiến Tình hình xử lý
1	Luật Giáo dục (sửa đổi)	Nghị định quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập (điểm a khoản 2 Điều 60)	01/04/2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Vụ Khoa giáo - Văn xã	Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Tờ trình số 1668/TTr-BGDĐT ngày 23/12/2020. VPCP đang xử lý
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức	Nghị định quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Khoản 18 Điều 1)	15/04/2020	Bộ Nội vụ	Vụ Tổ chức hành chính nhà nước và Công vụ	Bộ Nội vụ đã ký tắt Dự thảo Nghị định, VPCP đang trình xin ý kiến PTTg Thường trực Trương Hòa Bình xem xét, trước khi trình TTg CP ký ban hành
3	Luật Công an nhân dân	Nghị định quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy (khoản 2 Điều 17)	01/04/2019	Bộ Công an	Vụ Nội chính	Bộ CA đang tiếp thu hoàn thiện Dự thảo ND, VPCP đang trình xin ý kiến Phó Thủ tướng TT Trương Hòa Bình xem xét
4	Luật Cạnh tranh (sửa đổi)	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh Quốc gia (khoản 3 Điều 46)	01/01/2019	Bộ Công Thương	Vụ Tổ chức hành chính nhà nước và Công vụ	BCSĐCP đã có TTr số 12/TTr/BCSĐ ngày 24/7/2020 báo cáo Bộ Chính trị. Hiện đang chờ ý kiến Bộ Chính trị

TT	Tên luật	Tên văn bản quy định chi tiết thi hành luật	Thời gian trình theo phân công	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Đơn vị theo dõi của VPCP	Ý kiến Tình hình xử lý
5	Luật An ninh mạng	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia (khoản 3 Điều 10; khoản 3 Điều 43)	01/10/2018	Bộ Công an	Cục Kiểm soát thủ tục hành chính	QĐ này phải chờ ND QĐ chi tiết Luật An ninh mạng được ban hành mới có cơ sở để thực hiện
6		Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều trong Luật An ninh mạng (khoản 4 Điều 10; khoản 5 Điều 12; khoản 1 Điều 23; khoản 7 Điều 24; khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 36)	01/10/2018	Bộ Công an	Cục Kiểm soát thủ tục hành chính	Bộ đã xây dựng dự thảo và đã trình xin ý kiến chỉ đạo của TTg CP, do ND có những nội dung phức tạp, nhạy cảm cần cân nhắc thời điểm ban hành phù hợp

II. Danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, Pháp lệnh có hiệu lực từ ngày 01/01/2021

TT	Tên luật	Tên văn bản quy định chi tiết thi hành luật	Thời gian trình theo phân công	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Đơn vị theo dõi của VPCP	Tình hình thực hiện
1	Luật Lao động (sửa đổi)	Nghị định quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý lao động VN làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại VN	31/08/2020	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Vụ Khoa giáo - Văn xã	Bộ đã trình lại. VPCP đang xử lý
2		Nghị định quy định về tổ chức đại diện người lao động và thương lượng tập thể	15/09/2020	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Vụ Khoa giáo - Văn xã	Bộ có văn bản báo cáo TTg xin lùi thời gian trình sau ĐH đảng XIII, VPCP đã có vb thông báo ý kiến của TTg (2698/VPCP-KGVX ngày 03/10/2020)
3	Luật Chứng khoán (sửa đổi)	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (<i>tích hợp 02 Nghị định: (1) Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; (2) Nghị định quy định việc quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng khoản 7 Điều 41</i>)	15/09/2020	Bộ Tài chính	Vụ Kinh tế tổng hợp	VPCP chuyển ý kiến TVCP đến bộ để tiếp thu, chỉnh lý. Bộ đã trình lại VPCP đang xử lý
4		Nghị định thay thế Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp (Khoản 6 Điều 31 - đối với nội dung về phát hành trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng)	15/09/2020	Bộ Tài chính	Vụ Kinh tế tổng hợp	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý VPCP chuyển ý kiến TVCP đến bộ để tiếp thu, chỉnh lý.
5		Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (khoản 7 Điều 132)	15/09/2020	Bộ Tài chính	Vụ Kinh tế tổng hợp	Bộ đã trình. VPCP đang xin xử lý

TT	Tên luật	Tên văn bản quy định chi tiết thi hành luật	Thời gian trình theo phân công	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Đơn vị theo dõi của VPCP	Tình hình thực hiện
6		Nghị định quy định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh	15/09/2020	Bộ Tài chính	Vụ Kinh tế tổng hợp	Bộ đang tiếp thu ý kiến TVCP để hoàn thiện dự thảo Nghị định
7	Luật Doanh nghiệp (sửa đổi)	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp (tích hợp 03 Nghị định: (1) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp; (2) Nghị định về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước; (3) Nghị định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh)	01/10/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Vụ Đổi mới doanh nghiệp	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý
8		Nghị định về đăng ký doanh nghiệp	01/10/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Vụ Đổi mới doanh nghiệp	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý
9	Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án	Nghị định quy định về mức thu, trình tự, thủ tục thu, nộp và quản lý, sử dụng chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án (khoản 3 Điều 9)	01/10/2020	Bộ Tài chính	Vụ Kinh tế tổng hợp	Tờ trình 244/TTr-BTC ngày 25/12/2020. VPCP đang xử lý
10	Luật Thanh niên (sửa đổi)	Nghị định hướng dẫn một số điều của Luật Thanh niên (tích hợp 02 Nghị định: (1) Nghị định quy định về đối thoại thanh niên, cơ chế, chính sách và biện pháp thực hiện chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi (khoản 4 Điều 10 và khoản 8 Điều 26); (2) Nghị định quy định về chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện (khoản 5 Điều 22; khoản 3 Điều 23)	01/11/2021	Bộ Nội vụ	Vụ Khoa giáo - Văn xã	Thực hiện theo trình tự thủ tục rút gọn. Bộ chưa trình

TT	Tên luật	Tên văn bản quy định chi tiết thi hành luật	Thời gian trình theo phân công	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Đơn vị theo dõi của VPCP	Tình hình thực hiện
11	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	01/10/2020	Bộ Tư pháp	Vụ Pháp luật	Bộ đã trình TTr số 65/TTr-BTP ngày 03/12/2020. VPCP đang xử lý
12	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 85/2013/ NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp	01/10/2020	Bộ Tư pháp	Vụ Pháp luật	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý
13	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng	Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (khoản 51 Điều 1; điểm c khoản 3 Điều 3)	01/11/2020	Bộ Xây dựng	Vụ Công nghiệp	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý
14		Nghị định về quản lý vật liệu xây dựng (khoản 40 Điều 1)	01/11/2020	Bộ Xây dựng	Vụ Công nghiệp	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý
15		Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng	01/11/2020	Bộ Xây dựng	Vụ Công nghiệp	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý
16		Nghị định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng	01/11/2020	Bộ Xây dựng	Vụ Công nghiệp	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý
17	Luật Đầu tư (sửa đổi)	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (tích hợp 03 Nghị định : (1) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; (2) Nghị định về xúc tiến đầu tư; (3) Nghị định quy định về đầu tư ra nước ngoài)	01/10/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Vụ Kinh tế tổng hợp	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý

TT	Tên luật	Tên văn bản quy định chi tiết thi hành luật	Thời gian trình theo phân công	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Đơn vị theo dõi của VPCP	Tình hình thực hiện
18		Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở (khoản 1 Điều 75)	01/11/2020	Bộ Xây dựng	Vụ Công nghiệp	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý
19		Nghị định quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư (tích hợp 02 Nghị định: (1) Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư; (2) Nghị định hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia)	01/10/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Đã trình tại văn bản số 7851/TTr-BKHĐT ngày 30/11/2020. VPCP đang xử lý
20		Nghị định quy định đối tượng, nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường (khoản 3 Điều 75 – có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2020)	01/07/2020	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Vụ Nông nghiệp	30/11/2020 04:49: Văn bản 9975/VPCP-NN ngày 27/11/2020: Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng yêu cầu làm rõ sự cần thiết ban hành.
21	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và lựa chọn nhà đầu tư (tích hợp 02 Nghị định: (1) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; (2) Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư về lựa chọn nhà đầu tư)	01/10/2020	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Đã trình tại văn bản số 7906/TTr-BKHĐT ngày 30/11/2020. VPCP đang xử lý

TT	Tên luật	Tên văn bản quy định chi tiết thi hành luật	Thời gian trình theo phân công	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Đơn vị theo dõi của VPCP	Tình hình thực hiện
22		Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (khoản 4 Điều 60, khoản 3 Điều 67, khoản 3 Điều 69, khoản 4 Điều 78, khoản 5 Điều 82)	01/10/2020	Bộ Tài chính	Vụ Kinh tế tổng hợp	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý
23	Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng	Quyết định quy định về trình tự, thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị thành phố Đà Nẵng (Điều 8)	01/11/2020	Bộ Xây dựng	Vụ Công nghiệp	Bộ đã trình. VPCP đang xử lý
24	Nghị quyết thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng	Nghị định quy định thực hiện thí điểm mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng (điểm c, d khoản 2 Điều 10)	01/10/2020	Bộ Nội vụ	Vụ Tổ chức hành chính nhà nước và CV	Bộ chưa trình
25	Nghị quyết thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 97/2019/NQ-QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội (điểm b, c và điểm d khoản 2 Điều 7)	15/09/2020	Bộ Nội vụ	Vụ Tổ chức hành chính nhà nước và CV	Bộ NV đang hoàn thiện tiếp thu ý kiến chỉ đạo của TTg CP (CV số 9627/VPCP-TCCV ngày 18/11/2020). Ngày 24/12/202, Bộ Nội vụ đã trình lại. VPCP đang xử lý